

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2026/DS-ST

Ngày: 28-4-2026.

V/v: “*Tranh chấp kiện đòi nợ do
mua bán vật tư nông nghiệp*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa;
2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Hoàng Hạng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp kiện đòi nợ do mua bán vật tư nông nghiệp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2026/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Chau Hoàng K - sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Đ, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Danh C - sinh năm 1982 và bà Thị P - sinh năm 1980 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Chau Hoàng K trình bày: Tôi có kinh doanh vật tư nông nghiệp nên từ ngày 22/05/2024 đến ngày 06/06/2025, ông Danh C và bà Thị P có đến cơ sở tôi mua thuốc bảo vệ thực vật và phân bón (có bảng giá, số lượng mua hàng, số tiền cụ thể photo đính kèm) với tổng số tiền ông C, bà P mua là: 61.687.000 đồng (sáu mươi một triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

Sau khi ông C, bà P mua xong không trả tiền nên tôi có gặp ông C trao đổi nhiều lần về số tiền trên, nhưng ông C cứ hẹn lần hẹn lữa mà vẫn không trả, thậm chí vợ chồng ông C, bà P còn thách thức tôi thưa chính quyền.

Sau đó, tôi có làm đơn yêu cầu áp H xem xét giải quyết nên đến ngày 30/05/2025 lãnh đạo áp H có mời ông C đến cùng tôi giải quyết sự việc nhưng ông C vắng mặt nên lãnh đạo áp H mời lần 2 là vào ngày 04/06/2025 tại trụ sở áp H thì ông Danh C có thừa nhận còn thiếu tôi số tiền vật tư nông nghiệp là: 61.687.000 đồng (sáu mươi một triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn đồng) và hứa trong vòng 45 ngày sẽ trả trước số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), còn lại 21.687.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn đồng) ông C hứa tới vụ đông xuân sẽ trả đủ và tính thêm phần lãi của số tiền là: 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) nên tỏ hòa giải xuống mỗi hòa giải ông Danh C trong vòng 45 ngày phải trả cho tôi số tiền là: 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), còn lại 24.387.000 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn đồng) tới cắt lúa Đông X xong sẽ trả đủ và tiền lại bao nhiêu sẽ tính bấy nhiêu thì hai bên đồng ý. Đến thời điểm hiện tại đã quá hạn ngày hẹn trả tiền nhưng ông Danh C, bà Thị P vẫn không trả cho tôi mà để kéo dài đến nay.

Nay, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh C, bà Thị P phải trả cho tôi số tiền 61.687.000đ (sáu mươi một triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn đồng) và yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản của Nhà nước từ ngày 07/6/2026 cho đến khi kết thúc vụ án và trả một lần hết nợ.

Đối với bị đơn ông Danh C, bà Thị P không có mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến nay ông C, bà P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông C, bà P vẫn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Danh C, bà Thị P đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa nên không tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Chau Hoàng K đối với bị đơn ông Danh C, bà Thị P. Do đó, buộc ông Danh C, bà Thị P phải trả cho ông Chau Hoàng K số tiền là 67.165.000 đồng (sáu mươi bảy triệu một sáu mươi lăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Chau Hoàng K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Danh C và bà Thị P trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp kiện đòi nợ do mua bán vật tư nông nghiệp” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Danh C và bà Thị P là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông C và bà P được tổng đạt hợp lệ vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Danh C và bà Thị P là phù hợp.

[2] Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy rằng nguyên đơn có cung cấp giấy xác định nợ và biên bản hòa giải 04/6/2025 của ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ). Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

[3] Về nội dung: Ông Chau Hoàng K có bán vật tư nông nghiệp và vợ chồng ông Danh C và bà Thị P đến mua vật tư nông nghiệp đúng sự thật vì ông C cam kết đến vụ lúa (là vụ đồng xuân năm 2025 - 2026) sẽ trả đủ cho ông K thể hiện tại biên bản hòa giải 04/6/2025 của ấp H. Tuy nhiên, đến nay ông C và bà P không thực hiện để kéo dài đến nay.

[4] Xét về yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Ông Chau Hoàng K có bán phân bón thuốc trừ sâu nên vợ chồng ông Danh C và bà Thị P có mua phân bón và thuốc trừ sâu của ông K về để sản xuất nông nghiệp từ năm 2024 đến năm 2025 còn thiếu tổng số tiền là 61.687.000 đồng chưa thanh toán cho ông K nên ông K yêu cầu ông C, bà P trả tiền nhiều lần nhưng ông, bà hứa rồi không thực hiện. Do đó, ông K yêu cầu áp H giải quyết nên tại biên bản hòa giải ngày 04/6/2025 của áp H thì ông Danh C thừa nhận còn nợ ông K số tiền trên và ông cam kết trong 45 ngày kể từ ngày hòa giải sẽ trả số tiền là 40.000.000 đồng và số tiền còn lại là 21.687.000 đồng trả vào vụ lúa đồng xuân (là vụ đồng xuân năm 2025- 2026) sẽ trả đủ cho ông K nhưng ông C và bà P không thực hiện, để kéo dài nay chưa thanh toán được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, buộc ông Danh C và bà Thị P phải trả số tiền còn thiếu cho ông Chau Hoàng K là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Đối với ông Danh C và bà Thị P là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, khi ông Danh C và bà Thị P thực hiện giao dịch với ông Chau Hoàng K thì ông bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông bà cư trú, hiện nay ông C và bà P vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết các thủ tục tố tụng đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng ông C, bà P không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông bà. Từ đó, cho thấy ông Danh C và bà Thị P đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của ông K. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông Danh C và bà Thị P theo quy định của pháp luật.

[6] Về lãi suất:

Xét về yêu cầu tính lãi suất của ông Chau Hoàng K thì HĐXX xét thấy: Ông K yêu cầu tính lãi suất trên tổng số tiền gốc từ ngày 07/6/2025 đến ngày xét xử là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, giá vật tư nông nghiệp hiện nay tăng cao so với thời điểm ông K bán cho ông C, bà P nên ông K đã bị thiệt hại. Do vậy, việc ông K yêu cầu tính lãi là đúng với thực tế và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án ông K yêu cầu tính lãi suất theo quy định của Nhà nước là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất*

và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Đối chiếu quy định trên thì lãi suất cho phép là 10%/năm: 12 tháng = 0,83%/tháng nên thời gian tính lãi suất như sau:

Đối với số tiền là 61.687.000 đồng tính từ ngày 07/6/2025 đến ngày xét xử 28/4/2026 là 10 tháng 21 ngày: $(61.687.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng) \times 10 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 5.478.422,47 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn và lãi: 67.165.422,47 đồng làm tròn là 67.165.000 đồng (sáu mươi bảy triệu một sáu mươi lăm nghìn đồng).

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chau Hoàng K đối với bị đơn ông Danh C và bà Thị P1. Do đó, buộc ông Danh C và bà Thị P1 phải trả số tiền còn thiếu cho ông Chau Hoàng K là 67.165.000 đồng (sáu mươi bảy triệu một sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Về án phí DSST có giá ngạch là: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Yêu cầu của ông Chau Hoàng K được Tòa án chấp nhận nên ông nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 1.594.000 đồng (một triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003711 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Ông Danh C và bà Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $67.165.000đ \times 5\% = 3.358.250 \text{ đồng}$ làm tròn là 3.358.000 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 11, Điều 280, Điều 357, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chau Hoàng K đối với bị đơn ông Danh C và bà Thị P.

Buộc ông Danh C và bà Thị P phải có trách nhiệm trả cho ông Chau Hoàng K số tiền là 67.165.000 đồng (sáu mươi bảy triệu một sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST là: 3.358.000 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng), buộc ông Danh C và bà Thị P phải nộp.

Ông Chau Hoàng K được Tòa án chấp nhận nên ông nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 1.594.000 đồng (một triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003711 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 28/4/2026.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh